CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

Quảng Ngãi, Tháng 8 năm 2026

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
Ký ngày: 28/8/2026 16:19:02

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum (nay là Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi) cấp lần đầu ngày 21/05/2014, thay đổi các lần và lần 12 (mười hai) ngày 08/06/2026 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 12 (mười hai) ngày 08/06/2026 là 284.904.000.000 VND *(Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bốn tỷ, chín trăm lẻ bốn triệu đồng)*.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán TTE.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 507 Duy Tân, phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt kỳ báo cáo và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2026)
Ông Trần Văn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2026)
Bà Lê Thị Thu Hường	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2026)
Ông Trần Văn Hải	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2026)
Ông Đinh Xuân Hoàng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2026)

Ban Kiểm soát

Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên
Bà Phạm Thị Ngân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Huy Cường	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 03/06/2026)
Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 03/06/2026)
Ông Lương Hồng Phong	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/01/2026)
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 08/05/2026)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 6101177237 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
TP. KON TUM - T. KON TUM

Nguyễn Huy Cường
Tổng Giám đốc
Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 8 năm 2026

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 101/2026/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV5

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30/06/2026 các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 152,87 tỷ VND (tại ngày 31/12/2025 là 146,59 tỷ VND). Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh, triển vọng bán điện và sự hỗ trợ nguồn vốn từ các cổ đông.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề trên.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2023-137-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

	TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+160)**	**100**		**20.672.411.662**	**44.734.879.477**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**6.257.069.292**	**265.080.696**
1.	Tiền	111		6.257.069.292	265.080.696
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**14.063.846.556**	**44.220.568.832**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	8.169.336.409	42.009.610.610
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.113.932.428	915.587.582
3.	Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	5.315.837.719	1.830.630.640
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.5	(535.260.000)	(535.260.000)
III.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**160**		**351.495.814**	**249.229.949**
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.6	351.495.814	249.229.949
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+260+270)**	**200**		**731.145.947.129**	**752.331.617.113**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**34.600.000**	**34.600.000**
1.	Phải thu dài hạn khác	215	5.4	34.600.000	34.600.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**647.886.974.590**	**667.498.208.513**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	647.886.974.590	667.498.208.513
	- Nguyên giá	*222*		*1.148.656.207.643*	*1.148.656.207.643*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(500.769.233.053)*	*(481.157.999.130)*
III.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**260**	**5.8**	**78.803.027.244**	**78.524.121.645**
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		78.803.027.244	78.524.121.645
IV.	**Tài sản dài hạn khác**	**270**		**4.421.345.295**	**6.274.686.955**
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.6	4.421.345.295	6.224.674.748
2.	Lợi thế thương mại	279		-	50.012.207
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)		**280**		**751.818.358.791**	**797.066.496.590**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

	NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
C -	**NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)**	**300**		**362.315.178.891**	**417.798.574.699**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**173.543.507.585**	**191.326.903.393**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	3.741.441.796	3.853.328.800
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	624.224.873	624.224.873
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.11	13.940.676.008	20.114.225.343
4.	Phải trả người lao động	315		1.095.181.953	2.352.914.435
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.12	4.574.104.295	4.679.861.919
6.	Phải trả ngắn hạn khác	320	5.13	7.440.887.653	8.362.262.553
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.14	140.818.508.557	150.883.081.283
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.308.482.450	457.004.187
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**188.771.671.306**	**226.471.671.306**
1.	Phải trả dài hạn khác	338	5.13	94.487.380.000	94.487.380.000
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.14	93.900.000.000	131.600.000.000
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		384.291.306	384.291.306
D -	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**5.15**	**389.503.179.900**	**379.267.921.891**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	284.904.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*284.904.000.000*	*284.904.000.000*
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		895.165.549	32.187.286
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		97.557.108.765	88.324.194.279
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*420a*		*86.598.237.753*	*2.026.367.979*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*420b*		*10.958.871.012*	*86.297.826.300*
4.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.146.905.586	6.007.540.326
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**751.818.358.791**	**797.066.496.590**

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Thanh Hà	Hoàng Hữu Điền	Nguyễn Huy Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	60.466.834.743	65.359.591.386
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		60.466.834.743	65.359.591.386
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	27.678.146.711	28.863.834.333
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**32.788.688.032**	**36.495.757.053**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	4.245.447	25.977.643
7.	Chi phí tài chính	23	6.4	14.011.294.676	27.014.458.912
	Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*14.011.294.676*	*27.014.458.912*
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.531.916.489	3.436.161.152
9.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		278.905.599	(9.749.743.963)
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}**	**30**		**13.528.627.913**	**(3.678.629.331)**
11.	Thu nhập khác	31	6.6	889	50.023.668
12.	Chi phí khác	32	6.6	494.108.676	248.702.312
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**6.6**	**(494.107.787)**	**(198.678.644)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**13.034.520.126**	**(3.877.307.975)**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.936.283.854	697.446.006
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	1.949.948.793
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**11.098.236.272**	**(6.524.702.774)**
18.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		10.958.871.012	(6.652.201.430)
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		139.365.260	127.498.656
20.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**6.9**	**385**	**(264)**

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Thanh Hà	Hoàng Hữu Điền	Nguyễn Huy Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***13.034.520.126***	***(3.877.307.975)***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.611.233.923	19.552.782.018
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(278.905.599)	9.723.766.320
- Chi phí đi vay	06		14.011.294.676	27.014.458.912
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***46.378.143.126***	***52.413.699.275***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.206.734.483	4.083.296.365
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(10.344.157.822)	8.971.848.061
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		1.701.063.588	(2.914.373.297)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(14.130.238.512)	(27.438.962.989)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(43.483.541)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(11.500.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***53.756.561.322***	***35.115.507.415***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	25.977.643
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		-	***25.977.643***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(47.764.572.726)	(41.346.876.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(47.764.572.726)***	***(41.346.876.300)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**5.991.988.596**	**(6.205.391.242)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5.1**	**265.080.696**	**10.314.466.069**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**5.1**	**6.257.069.292**	**4.109.074.827**

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Thanh Hà	Hoàng Hữu Điền	Nguyễn Huy Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum (nay là Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi) cấp lần đầu ngày 21/05/2014, thay đổi các lần và lần 12 (mười hai) ngày 08/06/2026 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 12 (mười hai) ngày 08/06/2026 là 284.904.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bốn tỷ, chín trăm lẻ bốn triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán TTE.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 507 Duy Tân, phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các lĩnh vực hoạt động của Công ty gồm:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Trong kỳ, hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Ngày 20/4/2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC và Thông tư số 43/2026/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có các công ty con, công ty liên kết, đơn vị trực thuộc sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty TNHH Trung Việt	Quảng Ngãi	Sản xuất điện	98%	98%	98%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	Đắk Lắk	Sản xuất điện	43%	43%	43%
Đơn vị trực thuộc					
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng				
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng				

1.6 Số lượng người lao động tại thời điểm cuối kỳ

Tổng số nhân viên của Công ty và Công ty con tại ngày 30/06/2026 là 88 người (tại ngày 31/12/2025 là 77 người).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30/06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30/06/2026, các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 152,87 tỷ VND (tại ngày 31/12/2025 là 146,59 tỷ VND). Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng, Công ty hoàn toàn có khả năng tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các đơn vị được đầu tư sau ngày Công ty đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác theo từng kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ; phải thu về thanh lý, nhượng bán tài sản giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán mà không phải đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp). Khoản phải thu này bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: khoản phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia bằng tiền, các khoản đã chi hộ bên thứ ba, các khoản bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu chi hộ cho bên giao ủy thác, các khoản cho mượn tài sản phi tiền tệ, tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý,...

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)

Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy Công ty không có khả năng thu hồi hoặc khó có khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu của Công ty theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Thời gian khấu hao và phương pháp khấu hao Tài sản cố định được thực hiện nhất quán và có thể được thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức thu hồi lợi ích kinh tế của Tài sản cố định.

Dự án Nhà máy Thủy điện Đăk Ne và Dự án Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1 được điều chỉnh thời hạn hoạt động lên 49 năm và 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu theo Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 28/05/2021 và Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Kon Tum (Nay là tỉnh Quảng Ngãi). Theo đó Công ty đã thực hiện điều chỉnh thời gian khấu hao của 2 Nhà máy này kể từ kỳ kế toán năm 2021 để phù hợp với thời gian hoạt động của dự án.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, thời gian khấu hao cụ thể:

Tài sản cố định hữu hình	**Số năm khấu hao**
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 45
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí chờ phân bổ được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí chờ phân bổ dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay của Công ty bao gồm:

- Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi;
- Phần phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu;
- Phần phân bổ cho các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng khế ước vay;
- Chi phí phát hành trái phiếu phải trả cho đơn vị tư vấn và cung cấp dịch vụ quản lý tài sản đảm bảo căn cứ theo hợp đồng đã ký.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên ''Biên bản xác nhận chỉ số công tơ. sản lượng điện năng và giá bán điện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt'' hàng tháng với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn chủ yếu bao gồm chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí vận hành, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, chi phí nhân công... được ghi nhận phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong kỳ kế toán giữa niên độ mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Dự án Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 nằm trong danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Năm 2026 là năm thứ 9 Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN 10% và là năm thứ 4 giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho Dự án này do đầu tư vào địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được khi Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	21.703.028	46.033.822
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	6.235.366.264	219.046.874
Cộng	**6.257.069.292**	**265.080.696**

(*) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn:

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông	5.048.951.626	46.442.606
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	1.176.348.320	129.381.210
Đối tượng khác	10.066.318	43.223.058
Cộng	**6.235.366.264**	**219.046.874**

5.2 Phải thu của khách hàng

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**8.169.336.409**	**-**	**42.009.610.610**	**-**
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	8.169.336.409	-	42.009.610.610	-
Cộng	**8.169.336.409**	**-**	**42.009.610.610**	**-**

5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**1.113.932.428**	**(535.260.000)**	**915.587.582**	**(535.260.000)**
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 78	535.260.000	(535.260.000)	535.260.000	(535.260.000)
Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường Kon Tum	105.000.000	-	105.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 789 Hà Nội	170.942.153	-	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng số 7	262.000.000	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	40.730.275	-	275.327.582	-
Cộng	**1.113.932.428**	**(535.260.000)**	**915.587.582**	**(535.260.000)**

5.4 Phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**5.315.837.719**	-	**1.830.630.640**	-
Tạm ứng	2.815.837.719	-	1.830.630.640	-
- Ông Hồ Thanh Tiến (1)	*2.345.450.930*	-	*1.573.961.410*	-
- Đối tượng khác	*470.386.789*	-	*256.669.230*	-
Phải thu khác (2)	2.500.000.000	-	-	-
Dài hạn	**34.600.000**	-	**34.600.000**	-
Ký cược, ký quỹ	34.600.000	-	34.600.000	-
Cộng	**5.350.437.719**	-	**1.865.230.640**	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan *(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*	***2.421.236.651***	-	***1.644.747.131***	-

(1) Khoản tạm ứng cho cá nhân Ông Hồ Thanh Tiến để phục vụ hoạt động vận hành các nhà máy thủy điện của Công ty.

(2) Khoản cho bà Bùi Thị Thanh Huyền mượn tiền theo Hợp đồng mượn tiền số 1504/2026/HĐMT/TV-TH ngày 15/04/2026, với hạn mức tối đa là 2.500.000.000 VND, thời hạn 03 tháng. Khoản tiền này đã được hoàn trả vào ngày 07/07/2026.

5.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá trị nợ gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị nợ gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Trả trước cho người bán	**535.260.000**	**(535.260.000)**	-	**535.260.000**	**(535.260.000)**	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 78	535.260.000	(535.260.000)	-	535.260.000	(535.260.000)	-
Cộng	**535.260.000**	**(535.260.000)**	-	**535.260.000**	**(535.260.000)**	-

(*) Khoản tạm ứng 30% giá trị theo Hợp đồng số 05/03/21/HĐTV/TT-78 ký ngày 31/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 78 về việc Tư vấn khảo sát, lập bổ sung quy hoạch, lập và thỏa thuận đấu nối, lập thiết kế và các thỏa thuận chuyên ngành Công trình chuyển đấu nối thủy điện Đăk Ne. Công trình đã quá thời hạn hoàn thành hơn 4 năm nhưng đến nay vẫn chưa có phương án triển khai.

5.6 Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**351.495.814**	**249.229.949**
Công cụ dụng cụ	-	8.874.995
Chi phí bảo hiểm rủi ro nhà máy	276.333.481	165.180.351
Chi phí thuê văn phòng	24.000.000	72.000.000
Chi phí chờ phân bổ khác	51.162.333	3.174.603
Dài hạn	**4.421.345.295**	**6.224.674.748**
Công cụ dụng cụ	376.603.796	532.896.845
Chi phí sửa chữa nhà máy	3.396.151.688	4.717.184.583
Chi phí chờ phân bổ khác	648.589.811	974.593.320
Cộng	**4.772.841.109**	**6.473.904.697**

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2026	**846.300.896.352**	**295.666.516.592**	**5.456.902.893**	**1.231.891.806**	**1.148.656.207.643**
Số dư tại 30/06/2026	**846.300.896.352**	**295.666.516.592**	**5.456.902.893**	**1.231.891.806**	**1.148.656.207.643**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2026	**308.122.299.048**	**166.833.411.240**	**5.296.968.156**	**905.320.686**	**481.157.999.130**
Khấu hao trong kỳ	11.944.262.340	7.529.389.471	64.710.630	72.871.482	19.611.233.923
Số dư tại 30/06/2026	**320.066.561.388**	**174.362.800.711**	**5.361.678.786**	**978.192.168**	**500.769.233.053**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2026	**538.178.597.304**	**128.833.105.352**	**159.934.737**	**326.571.120**	**667.498.208.513**
Tại 30/06/2026	**526.234.334.964**	**121.303.715.881**	**95.224.107**	**253.699.638**	**647.886.974.590**

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 30/06/2026 là: 626.854.836.424 đồng (tại ngày 01/01/2026: 667.011.702.565 đồng).

Nguyên giá của các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là: 5.280.003.011 đồng (tại ngày 01/01/2026 là: 5.124.255.549 đồng).

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Danh mục các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu trong kỳ có tỷ lệ giá trị từ 10% tổng tài sản cố định hữu hình trở lên:

Tên tài sản	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc						
Nhà máy thuỷ điện Tà Vi	84.772.756.099	29.994.614.393	54.778.141.706	84.772.756.099	28.415.950.478	56.356.805.621
Nhà máy thủy điện Đăk ne	285.224.057.661	163.929.726.670	121.294.330.991	285.224.057.661	159.480.472.684	125.743.584.977
Nhà máy thủy điện ĐakBla 1	435.922.730.438	103.951.146.234	331.971.584.204	435.922.730.438	98.937.095.179	336.985.635.259
Máy móc,thiết bị						
Nhà máy thủy điện Đăk ne	81.436.892.459	66.412.537.686	15.024.354.773	81.436.892.459	64.659.474.985	16.777.417.474
Nhà máy thủy điện ĐakBla 1	160.408.985.118	65.054.755.076	95.354.230.042	160.408.985.118	61.044.530.448	99.364.454.670

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
Đầu tư vào Công ty liên kết			**77.400.000.000**	**78.803.027.244**	**77.400.000.000**	**78.524.121.645**
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	43,00%	43,00%	77.400.000.000	78.803.027.244	77.400.000.000	78.524.121.645
Cộng			**77.400.000.000**	**78.803.027.244**	**77.400.000.000**	**78.524.121.645**

5.9 Phải trả người bán

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**3.741.441.796**	**3.853.328.800**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia	2.598.400.000	2.598.400.000
Đài khí tượng thủy văn tỉnh Kon Tum	306.305.500	306.305.500
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng điện	587.171.818	587.171.818
Đối tượng khác	249.564.478	361.451.482
Cộng	**3.741.441.796**	**3.853.328.800**

5.10 Người mua trả tiền trước

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**624.224.873**	**624.224.873**
Công ty Cổ phần NetZero Carbon	624.224.873	624.224.873
Cộng	**624.224.873**	**624.224.873**

5.11 Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2026
Phải nộp	**20.114.225.343**	**14.547.933.183**	**20.721.482.518**	**13.940.676.008**
Ngắn hạn	***20.114.225.343***	***14.547.933.183***	***20.721.482.518***	***13.940.676.008***
Thuế giá trị gia tăng	6.003.039.029	5.278.404.776	9.315.910.885	1.965.532.920
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.777.976.785	1.936.283.854	43.483.541	8.670.777.098
Thuế thu nhập cá nhân	1.142.652.307	200.718.107	161.120.616	1.182.249.798
Thuế tài nguyên	3.705.068.708	4.060.169.338	7.002.588.877	762.649.169
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.485.488.514	3.072.357.108	4.198.378.599	1.359.467.023
Cộng	**20.114.225.343**	**14.547.933.183**	**20.721.482.518**	**13.940.676.008**

5.12 Chi phí phải trả

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**4.574.104.295**	**4.679.861.919**
Chi phí lãi vay	1.975.104.295	2.080.861.919
Chi phí phát hành trái phiếu (*)	2.599.000.000	2.599.000.000
Cộng	**4.574.104.295**	**4.679.861.919**

(*) Theo Hợp đồng đại lý quản lý Tài sản bảo đảm số 01/HĐ-ĐLQLTS/21 ngày 15/10/2021 giữa Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh.

5.13 Phải trả khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**7.440.887.653**	**8.362.262.553**
Bà Bùi Thị Thanh Huyền (1)	7.262.262.553	8.362.262.553
Bảo hiểm xã hội	142.910.250	-
Bảo hiểm y tế	24.511.050	-
Bảo hiểm thất nghiệp	11.203.800	-
Dài hạn	**94.487.380.000**	**94.487.380.000**
Ông Nguyễn Thăng Long (2)	94.487.380.000	94.487.380.000
Cộng	**101.928.267.653**	**102.849.642.553**

(1) Khoản mượn tiền của bà Bùi Thị Thanh Huyền nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo:

- Hợp đồng mượn tiền số 01/2026/HĐMT/TTE-TH ngày 03/03/2026, với hạn mức tối đa là 15 tỷ VND, thời hạn 09 tháng.
- Hợp đồng mượn tiền số 01/2026/HĐMT/TV-TH ngày 12/03/2026, với hạn mức tối đa là 11 tỷ VND, thời hạn 09 tháng.

(2) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2025/HTĐT/NTL-TTE ngày 25/12/2025 giữa ông Nguyễn Thăng Long và Công ty nhằm thực hiện các giao dịch đầu tư nhằm mục đích sinh lợi, tổng giá trị đầu tư là 103 tỷ VND. Chi tiết danh mục và hạng mục đầu tư cụ thể sẽ được các bên thỏa thuận theo các Phụ lục đính kèm hợp đồng tại từng thời điểm.

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

a. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

Đơn vị tính: VND

	30/06/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2026
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**88.518.508.557**	**37.700.000.000**	**47.764.572.726**	**98.583.081.283**
Vay dài hạn đến hạn trả	***88.518.508.557***	***37.700.000.000***	***47.764.572.726***	***98.583.081.283***
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (1)	13.600.000.000	-	18.000.000.000	31.600.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Kon Tum (2)	8.900.000.000	4.700.000.000	4.300.000.000	8.500.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (3)	66.018.508.557	33.000.000.000	25.464.572.726	58.483.081.283
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**93.900.000.000**	-	**37.700.000.000**	**131.600.000.000**
Vay	***93.900.000.000***	-	***37.700.000.000***	***131.600.000.000***
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Kon Tum (2)	14.900.000.000	-	4.700.000.000	19.600.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (3)	79.000.000.000	-	33.000.000.000	112.000.000.000
Cộng	**182.418.508.557**	**37.700.000.000**	**85.464.572.726**	**230.183.081.283**

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 031-14/HĐTDH/SĐBS-02 ngày 09/6/2023 và Hợp đồng mua, bán nợ số 01/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 08/6/2023 chuyển khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) - Chi nhánh Đà Nẵng (theo hợp đồng tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014) sang Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định; Giá trị khoản vay được chuyển giao tại thời điểm mua bán nợ là 93 tỷ VND; Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014; Mục đích vay là tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăk Ne; Lãi suất vay được điều chỉnh từng lần theo thông báo của ngân hàng; Tài sản đảm bảo: Nhà máy thủy điện Đăk Ne, các tài sản gắn liền với đất và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện (Nhà máy thủy điện Đăk Ne) giữa Công ty và EVN; Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 1 tháng/lần.

(2) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ký ngày 28/12/2016, số tiền vay là 74 tỷ VND; Thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Mục đích vay là thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016; Lãi suất vay thả nổi, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần; Tài sản đảm bảo: Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi và các tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/HĐTCTS-TV ngày 28/12/2016 kèm các phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung khác; Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần.

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

a. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)

(3) Theo Hợp đồng mua, bán nợ số 02/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 20/6/2023 kèm phụ lục sửa đổi, bổ sung và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02.1/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 21/6/2023 chuyển khoản vay của Công ty từ Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Mê Thuột theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 600-29/15/VAB/HĐTDHDN ngày 15/5/2015 sang vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định; Số tiền vay gốc: 395 tỷ VND; Số tiền vay được chuyển giao tại thời điểm mua bán nợ là: 260,5 tỷ VND; Mục đích vay: Đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 tại xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (Nay là tỉnh Quảng Ngãi), công suất 15MW; Thời hạn vay: 168 tháng từ ngày 15/5/2015 đến ngày 15/5/2029; Lãi suất cho vay: Theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Tài sản đảm bảo: Quyền tài sản phát sinh gắn liền với dự án nhà máy thủy điện Đăk Bla 1, toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc dự án nhà máy thủy điện Đăk Bla 1, toàn bộ máy móc thiết bị thuộc nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 và quyền tài sản đối với phần vốn góp; Kỳ hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần, kỳ hạn trả nợ gốc được quy định theo lịch cụ thể trong Hợp đồng tín dụng và các phụ lục sửa, đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng.

b. Trái phiếu phát hành

	30/06/2026				01/01/2026			
Trái phiếu thường	**Số lượng (TP)**	**Lãi suất (%)**	**Kỳ hạn (Tháng)**	**Giá trị (VND)**	**Số lượng (TP)**	**Lãi suất (%)**	**Kỳ hạn (Tháng)**	**Giá trị (VND)**
a) Trái phiếu phát hành								
Phát hành theo mệnh giá				52.300.000.000				52.300.000.000
+ Mã TTEH2124001 (*)	*523*	*11,00%*	*60*	*52.300.000.000*	*523*	*11,00%*	*60*	*52.300.000.000*
Cộng				**52.300.000.000**				**52.300.000.000**

(*) Theo Hợp đồng dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu riêng lẻ số 510/2021/HĐĐL/NSI-TTE ngày 05/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia, theo báo cáo kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ số 27/2021/BC-TTE ngày 18/12/2021:

Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (TTEH2124001); Mã trái phiếu: TTE12101; Số lượng trái phiếu chào bán: 2.500 trái phiếu; Số lượng trái phiếu phát hành thành công là 2.499 trái phiếu; Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu; Kỳ hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 19/10/2021) đến ngày đáo hạn (ngày 19/10/2024) với lãi suất danh nghĩa của trái phiếu thực tế phát hành là 11%/năm; Kỳ hạn trả lãi là 6 tháng/lần; Hình thức phát hành trái phiếu là chào bán riêng lẻ; Phương thức phát hành là đại lý phát hành; Loại chứng khoán là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản; Tổ chức tư vấn, đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia; Tài sản đảm bảo là 15 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt có giá trị là 442,5 tỷ VND; Đại lý quản lý tài khoản và tài sản đảm bảo là Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Đà Nẵng.

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

b. Trái phiếu phát hành (Tiếp theo)

Mục đích phát hành trái phiếu là:

- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 38,4% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi với tổng giá trị là 52,8 tỷ VND;
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 43% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen với tổng giá trị là 77,4 tỷ VND;
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 31,18% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng với tổng giá trị là 85,8 tỷ VND;
- Thực hiện đầu tư vào Công ty TNHH Trung Việt với số tiền là 25,5 tỷ VND và tái cơ cấu khoản vay với số tiền là 8,5 tỷ VND.

Đến thời điểm ngày 26/12/2025, Công ty đã thanh toán nợ gốc do trái phiếu mua lại trước hạn trong năm là 195,3 tỷ VND theo Nghị quyết số 58/2025/NQ-TTE ngày 15/10/2025 và Nghị quyết số 67/2025-NQ-TTE ngày 25/12/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc thông qua phương án mua lại trái phiếu trước hạn: Thông qua nội dung về điều chỉnh phương án sử dụng nguồn vốn trái phiếu đã phát hành (Mã trái phiếu: TTEH2124001) - Thoái toàn bộ vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng và Công ty cổ phần thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi; Nguồn tiền để thanh toán một phần gốc và lãi trái phiếu TTEH2124001 là số tiền thu về từ hoạt động thoái vốn Công ty liên kết và nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sau khi mua lại, số dư nợ trái phiếu mới điều chỉnh là 52,3 tỷ VND.

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	**284.904.000.000**	**32.187.286**	**2.026.367.979**	**5.494.389.299**	**292.456.944.564**
Lãi trong năm trước	-	-	86.297.826.300	513.151.027	86.810.977.327
Số dư tại 01/01/2026	**284.904.000.000**	**32.187.286**	**88.324.194.279**	**6.007.540.326**	**379.267.921.891**
Lãi trong kỳ này	-	-	10.958.871.012	139.365.260	11.098.236.272
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(862.978.263)	-	(862.978.263)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	862.978.263	(862.978.263)	-	-
Số dư tại 30/6/2026	**284.904.000.000**	**895.165.549**	**97.557.108.765**	**6.146.905.586**	**389.503.179.900**

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 05/2026/BB-ĐHĐCĐ ngày 30/05/2026 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 862.978.263 VND; Trích quỹ đầu tư phát triển: 862.978.263 VND.

b. *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Bà Lê Thị Hạnh	22.889.000.000	22.889.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	262.015.000.000	262.015.000.000
Cộng	**284.904.000.000**	**284.904.000.000**

c. *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu*

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	284.904.000.000	284.904.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	284.904.000.000	284.904.000.000

d. *Cổ phiếu*

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**28.490.400**	**28.490.400**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**28.490.400**	**28.490.400**
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**28.490.400**	**28.490.400**
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.16 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tài sản của Công ty sử dụng để cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2026:

STT	Loại tài sản	Khoản mục	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản cố định hữu hình	721.146.788.099	453.265.915.195	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Khoản vay dài hạn	Đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm
2	Máy móc, thiết bị	Tài sản cố định hữu hình	242.115.877.577	110.378.584.816	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Khoản vay dài hạn	Đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm
3	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản cố định hữu hình	84.772.756.099	54.778.141.706	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Khoản vay dài hạn	Đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm
4	Máy móc, thiết bị	Tài sản cố định hữu hình	17.227.243.901	8.432.194.707	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Khoản vay dài hạn	Đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Nhà máy thủy điện Đăk Ne	22.362.910.143	23.477.965.368
Nhà máy thủy điện Tà Vi	4.960.221.909	8.104.894.848
Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1	26.861.617.128	27.772.035.129
Nhà máy thủy điện Đăk Pia	6.282.085.563	6.004.696.041
Cộng	**60.466.834.743**	**65.359.591.386**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Nhà máy thủy điện Đăk Ne	8.822.096.728	9.296.181.173
Nhà máy thủy điện Tà Vi	3.463.198.093	3.875.549.266
Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1	12.255.081.278	12.359.888.877
Nhà máy thủy điện Đăk Pia	3.137.770.612	3.332.215.017
Cộng	**27.678.146.711**	**28.863.834.333**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi	4.245.447	25.977.643
Cộng	**4.245.447**	**25.977.643**

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lãi tiền vay	14.011.294.676	27.014.458.912
Cộng	**14.011.294.676**	**27.014.458.912**

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**5.531.916.489**	**3.436.161.152**
Chi phí nhân viên quản lý	4.365.340.380	2.241.441.131
Chi phí đồ dùng văn phòng	41.147.496	19.849.032
Thuế phí và lệ phí	-	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	717.873.450	746.972.061
Chi phí bằng tiền khác	357.542.956	366.340.159
Lợi thế thương mại được phân bổ	50.012.207	54.558.769
Cộng	**5.531.916.489**	**3.436.161.152**

6.6 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	889	50.023.668
Cộng	**889**	**50.023.668**
Chi phí khác		
Phạt thuế và chậm nộp	486.046.209	236.551.347
Chi phí khác	8.062.467	12.150.965
Cộng	**494.108.676**	**248.702.312**
Lợi nhuận khác	**(494.107.787)**	**(198.678.644)**

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	371.474.377	1.609.246.275
Chi phí nhân công	8.746.064.960	6.795.695.535
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.611.233.923	19.552.782.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.135.990.041	1.708.631.768
Chi phí khác bằng tiền	2.295.287.692	2.579.081.120
Cộng	**33.160.050.993**	**32.245.436.716**

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	1.936.283.854	697.446.006
Cộng	**1.936.283.854**	**697.446.006**

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (Trình bày lại)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	**10.958.871.012**	**(6.652.201.430)**
Số trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	(431.489.132)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(431.489.132)
Lợi nhuận /(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	**10.958.871.012**	**(7.515.179.693)**
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	28.490.400	28.490.400
Lãi/ (lỗ)cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**385**	**(264)**

(*) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 có thể được trích lập vào quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trường hợp Công ty thực hiện trích lập vào quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi tương ứng.

Công ty xác định lại số trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 bằng 50% số tiền trích vào các quỹ nêu trên được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 05/2026/BB-ĐHĐCĐ ngày 30/05/2026. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được trình bày lại như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (Đã trình bày)	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 (Trình bày lại)	Chênh lệch
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	**(6.652.201.430)**	**(6.652.201.430)**	**-**
Số trích quỹ đầu tư phát triển	-	(431.489.132)	(431.489.132)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(431.489.132)	(431.489.132)
Lợi nhuận/ (lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	**(6.652.201.430)**	**(7.515.179.693)**	**(862.978.263)**
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	28.490.400	28.490.400	-
Lãi/ (lỗ)cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**(233)**	**(264)**	**(30)**

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 30/06/2026:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Lương và thù lao	1.537.101.489	1.012.242.100

Trong đó, chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Hội đồng Quản trị		**109.000.000**	**120.000.000**
Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch	56.000.000	60.000.000
Bà Lê Thị Thu Hường	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2026)	25.000.000	30.000.000
Ông Trần Văn Hải	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2026)	25.000.000	30.000.000
Ông Trần Văn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2026)	3.000.000	-
Ban Kiểm soát		**91.000.000**	**96.000.000**
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban	38.000.000	42.000.000
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên	35.500.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Ngân	Thành viên	17.500.000	18.000.000
Ban Tổng Giám đốc		**1.083.301.489**	**736.242.100**
Ông Nguyễn Huy Cường	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 03/06/2026)	20.000.000	-
Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 03/06/2026)	100.000.000	272.500.000
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc	303.902.413	70.000.000
Ông Hồ Thanh Tiến	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	90.621.525	140.067.700
Ông Lương Hồng Phong	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 19/01/2026)	305.738.246	-
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 08/05/2026)	263.039.305	253.674.400
Người quản lý khác		**253.800.000**	**60.000.000**
Ông Hoàng Việt Anh	Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ	253.800.000	30.000.000
Ông Tô Minh Quang	Nguyên Phó phòng Kiểm toán nội bộ	-	30.000.000
Tổng		**1.537.101.489**	**1.012.242.100**

7.1 Thông tin với các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu khác			**2.421.236.651**	**1.644.747.131**
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 08/05/2026)	Tạm ứng	70.785.721	70.785.721
Ông Hồ Thanh Tiến	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	2.345.450.930	1.573.961.410
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	5.000.000	-

7.2 Thông tin khác

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 05/2026/BB-ĐHĐCĐ ngày 30/05/2026 thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ. Cụ thể:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán 15.000.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán: 10.000 VND/cổ phiếu.
- Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư chiến lược và/hoặc Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt đối tượng nhà đầu tư.
- Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư: Các tổ chức, cá nhân có năng lực tài chính, có khả năng đồng hành lâu dài, hỗ trợ Công ty trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư cụ thể.
- Số lượng nhà đầu tư chào bán dự kiến: Dưới 100 nhà đầu tư. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Danh sách và số lượng cổ phần chào bán cho từng nhà đầu tư.
- Mục đích chào bán: Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu dự kiến sẽ được sử dụng để mua lại trước hạn trái phiếu đã phát hành của Công ty.
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Luật chứng khoán hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
- Thời gian chào bán: Trong năm 2026

Đến thời điểm phát hành Báo cáo, Công ty chưa thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký chào bán cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và chưa triển khai việc phân phối quyền mua.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Thanh Hà	Hoàng Hữu Điền	Nguyễn Huy Cường